

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
NHƠN TRẠCH 2**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010



MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN | 2 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 3 - 4 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 5 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 6 - 7 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 8 - 18 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|---------------------|------------|
| Ông Lê Tự Hiếu | Chủ tịch |
| Ông Hoàng Xuân Quốc | Thành viên |
| Ông Đặng Minh Phong | Thành viên |
| Ông Lương Ngọc Anh | Thành viên |
| Ông Đoàn Minh Mẫn | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|----------------------|--|
| Ông Hoàng Xuân Quốc | Tổng Giám đốc |
| Ông Ưông Ngọc Hải | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Ngô Đức Nhân | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 3 tháng 2 năm 2010) |
| Ông Trần Quang Thiên | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2010) |
| Ông Phạm Cương | Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2010) |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Xuân Quốc
Tổng Giám đốc

Ngày 4 tháng 3 năm 2011

Số: 155 /2011/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần điện lực Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty"), từ 3 đến trang 18. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

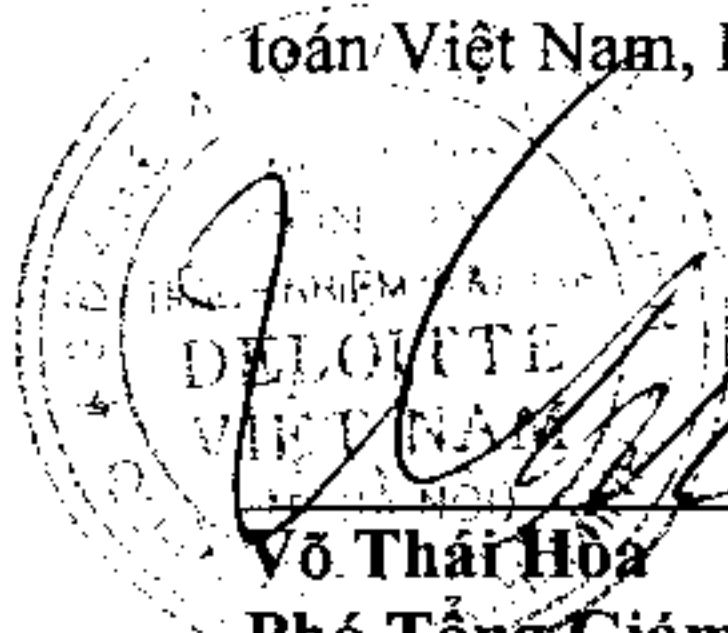
Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam..



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc, kiêm
Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 4 tháng 3 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Cao Nguyên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1184/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2010 | 31/12/2009 |
|--|--------------|--------------------|---------------------------|--------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 1.761.505.805.557 | 3.378.020.645.056 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 15.070.108.688 | 5.172.889.170 |
| 1. Tiền | 111 | | 15.070.108.688 | 5.172.889.170 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 1.232.789.078.167 | 2.198.536.806.820 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | 6 | 1.232.789.078.167 | 2.198.536.806.820 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 436.628.028.894 | 1.154.512.698.507 |
| 1. Trả trước cho người bán | 132 | 7 | 345.568.879.085 | 1.110.956.597.426 |
| 2. Các khoản phải thu khác | 135 | | 91.059.149.809 | 43.556.101.081 |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 77.018.589.808 | 19.798.250.559 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 2.151.828 | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 73.137.527.850 | 19.788.250.559 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | 8 | 3.628.910.130 | - |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 250.000.000 | 10,000,000 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 9.741.255.033.271 | 1.854.985.216.748 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 8.810.786.839.794 | 1.843.830.785.657 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 9 | 6.765.642.408 | 5.038.043.016 |
| - Nguyên giá | 222 | | 10.394.640.678 | 6.989.147.224 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (3.628.998.270) | (1.951.104.208) |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 10 | 8.804.021.197.386 | 1.838.792.742.641 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 11 | 11.140.000.000 | 11.140.000.000 |
| 1. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | 11.140.000.000 | 11.140.000.000 |
| III. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 919.328.193.477 | 14.431.091 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 12 | 919.328.193.477 | 14.431.091 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 11.502.760.838.828 | 5.233.005.861.804 |

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2010 | 31/12/2009 |
|---|------------|-------------|---------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 8.726.646.205.213 | 2.362.431.630.454 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.668.956.916.914 | 2.362.431.630.454 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 13 | 1.067.363.731.610 | 2.237.109.792.435 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 589.018.115.546 | 78.721.437.429 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | - | 100.000.000 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 14 | 151.187.043 | 29.793.401.833 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 2.377.699.871 | 1.248.609.426 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | | 6.585.060.143 | 15.303.635.906 |
| 7. Các khoản phải trả khác | 319 | | 551.581.299 | 154.753.425 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 2.909.541.402 | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 7.057.689.288.299 | - |
| 1. Vay và nợ dài hạn | 334 | 15 | 7.053.042.355.106 | - |
| 2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | 4.646.933.193 | - |
| B. NGUỒN VỐN | 400 | | 2.776.114.633.615 | 2.870.574.231.350 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 16 | 2.776.114.633.615 | 2.870.574.231.350 |
| 1. Vốn điều lệ | 411 | | 2.560.000.000.000 | 2.560.000.000.000 |
| 2. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | 163.455.502.290 | - |
| 3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | 6.541.765.513 | 123.934.916.030 |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 17.930.478.253 | 11.140.000.000 |
| 5. Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | | 28.186.887.559 | 175.499.315.320 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 11.502.760.838.828 | 5.233.005.861.804 |



Nguyễn Xuân Quốc
Tông Giám đốc
Ngày 4 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

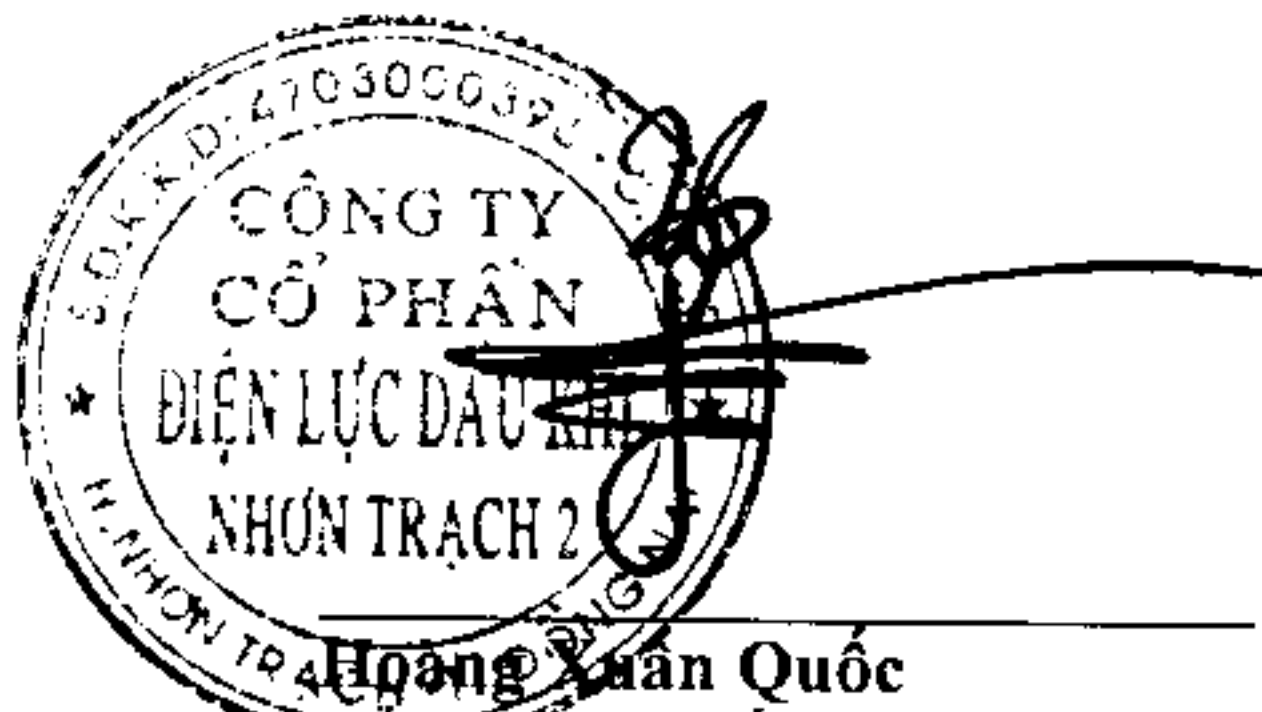
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 2010 | 2009 |
|---|-----------|-------------|-----------------------|------------------------|
| | | | | |
| 1. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 83.014.619.303 | 178.598.447.269 |
| 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | (40.823.983.694) | (13.670.616.460) |
| 3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 42.190.635.609 | 164.927.830.809 |
| 4. Thu nhập khác | 31 | | 8.571.600 | - |
| 5. Chi phí khác | 32 | | (1.259.033) | - |
| 6. Lợi nhuận khác | 40 | | 7.312.567 | - |
| 7. Lợi nhuận trước thuế | 50 | | 42.197.948.176 | 164.927.830.809 |
| 8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 17 | (10.556.060.617) | (29.118.265.755) |
| 9. Lợi nhuận sau thuế | 60 | | 31.641.887.559 | 135.809.565.054 |



Hoàng Xuân Quốc
Tổng Giám đốc

Ngày 4 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
 TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN
 TTE
 TAM
 TĐ
 CHINH

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | | |
|---|-----------|----------------------------|----------------------------|
| | | 2010 | 2009 |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 42.197.948.176 | 164.927.830.809 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 1.445.465.839 | 1.116.497.645 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (83.014.619.303) | (178.598.447.269) |
| 3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | (39.371.205.288) | (12.554.118.815) |
| Tăng các khoản phải thu | 09 | (98.662.222.929) | (1.081.173.291.077) |
| Tăng các khoản phải trả | 11 | 16.909.008.542 | 19.449.914.131 |
| (Tăng)/Giảm chi phí trả trước | 12 | (919.315.914.214) | 31.070.155 |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | (132.307.941.024) | (13.669.435.915) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (43.303.236.502) | (9.977.344.279) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (6.038.793.375) | (3.201.560.540) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (1.222.090.304.790) | (1.101.094.766.340) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi mua tài sản cố định | 21 | (5.735.360.405.310) | (1.615.812.950.232) |
| 2. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác | 25 | - | (2.258.876.988.584) |
| 3. Tiền thu hồi từ đầu tư | 26 | 933.655.728.653 | 49.200.181.764 |
| 4. Thu lãi tiền gửi | 27 | 80.300.567.178 | 135.042.346.188 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (4.721.404.109.479) | (3.690.447.410.864) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu | 31 | - | 1.015.234.500.000 |
| 2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 12.618.096.154.057 | 2.767.997.808.696 |
| 3. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (6.663.609.471.878) | (433.785.499.668) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 5.954.486.682.179 | 3.349.446.809.028 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 10.992.267.910 | (1.442.095.368.176) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 5.172.889.170 | 1.447.334.275.924 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ | 61 | (1.095.048.392) | (66.018.578) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm | 70 | 15.070.108.688 | 5.172.889.170 |

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

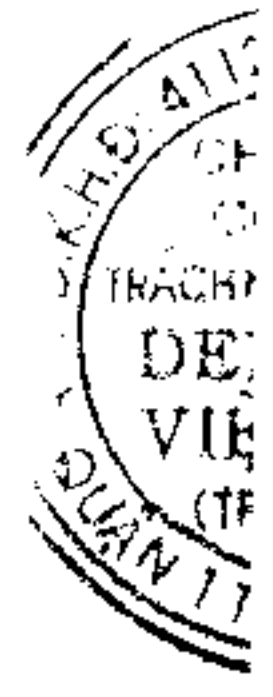
Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Lãi từ hoạt động đầu tư trong năm không bao gồm số tiền 2.714.052.125 (2009: 43.556.101.081) đồng, là số tiền lãi dự thu phát sinh trong năm mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân tăng các khoản phải thu.



Hoàng Xuân Quốc
Tổng Giám đốc
Ngày 4 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp, và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 20 tháng 11 năm 2009.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 80 người (năm 2009: 75 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là quản lý đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện; sản xuất và kinh doanh điện năng; nhập khẩu nhiên liệu và thiết bị vật tư phụ tùng để sản xuất, kinh doanh điện; thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện; đào tạo nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình nhiệt điện.

Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản dự án Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | <u>Năm</u> |
|---------------------|------------|
| Phương tiện vận tải | 6 - 8 |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 5 |

Ghi nhận doanh thu

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm cho khoản vay dài hạn từ nước ngoài, chi phí bảo trì bảo dưỡng và lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị nhà máy điện và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản phí kể trên được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian của hợp đồng vay và hợp đồng bảo trì dài hạn đã ký kết.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong giai đoạn xây dựng cơ bản, được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong phần “Vốn chủ sở hữu”. Khi công trình xây dựng nhà xưởng, văn phòng của Công ty hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế lũy kế được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, riêng phần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại lũy kế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 5 năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2010 | 31/12/2009 |
|--------------------|------------------------------|-----------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Tiền mặt | 164.072.370 | 4.082.882 |
| Tiền gửi ngân hàng | 14.906.036.318 | 5.168.806.288 |
| | <u>15.070.108.688</u> | <u>5.172.889.170</u> |

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

| | 31/12/2010 | 31/12/2009 |
|---------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 163.131.078.167 | 1.894.421.625.780 |
| Ủy thác quản lý vốn | 1.069.658.000.000 | 304.115.181.040 |
| | <u>1.232.789.078.167</u> | <u>2.198.536.806.820</u> |

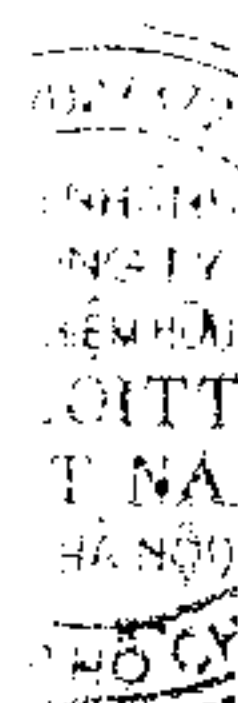
Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản ủy thác quản lý vốn tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng đồng Việt Nam và Đô la Mỹ với mức lãi suất từ 0,67% đến 0,96% hàng tháng.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Trả trước cho người bán bao gồm các khoản tạm ứng cho nhà thầu để thực hiện các công việc thiết kế, chế tạo, cung cấp hàng đến công trường, lắp ráp, thử nghiệm và chạy thử máy móc thiết bị nhà máy và các công việc theo sơ đồ đường ống của Công trình dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước thể hiện khoản chênh lệch phần thuế Thu nhập Doanh nghiệp tạm tính hàng quý trong năm 2010 với phần thuế Thu nhập Doanh nghiệp tính cho thu nhập trước thuế tính cho cả năm 2010.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Phương tiện vận tải VNĐ | Thiết bị văn phòng VNĐ | Tổng VNĐ |
|-------------------------------|-------------------------------|------------------------------|------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Tại ngày 1/1/2010 | 5.852.322.446 | 1.136.824.778 | 6.989.147.224 |
| Tăng | 3.233.691.999 | 183.456.000 | 3.417.147.999 |
| Thanh lý | - | (11.654.545) | (11.654.545) |
| Tại ngày 31/12/2010 | 9.086.014.445 | 1.308.626.233 | 10.394.640.678 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Tại ngày 1/1/2010 | (1.362.333.250) | (588.770.958) | (1.951.104.208) |
| Khấu hao trong năm | (1.359.325.640) | (330.222.967) | (1.689.548.607) |
| Thanh lý | - | 11.654.545 | 11.654.545 |
| Tại ngày 31/12/2010 | (2.721.658.890) | (907.339.380) | (3.628.998.270) |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày 31/12/2010 | 6.364.355.555 | 401.286.853 | 6.765.642.408 |
| Tại ngày 31/12/2009 | 4.489.989.196 | 548.053.820 | 5.038.043.016 |

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | 2010 VNĐ | 2009 VNĐ |
|----------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tại ngày 1 tháng 1 | 1.838.792.742.641 | 118.749.186.884 |
| Tăng | 6.965.228.454.745 | 1.720.043.555.757 |
| Tại ngày 31 tháng 12 | 8.804.021.197.386 | 1.838.792.742.641 |

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí đi vay được vốn hóa với số tiền là 269.638.908.831 đồng và các khoản chi phí phát sinh cho việc thiết kế, chế tạo, cung cấp hàng đến công trường, lắp ráp, thử nghiệm và chạy thử máy móc thiết bị nhà máy và thực hiện công việc theo sơ đồ đường găng dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đạt được công suất 750MV.

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Tính đến 31 tháng 12 năm 2010 Công ty đã góp 11.140.000.000 đồng, tương đương với 1.114.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu), chiếm 13,92% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao ("Sopewaco").

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng giá thị trường của các khoản đầu tư này cao hơn giá gốc, vì thế không cần thiết phải lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | 2010 VNĐ | 2009 VNĐ |
|-------------------------------|------------------------|-------------------|
| Tại ngày 1 tháng 1 | 14.431.091 | 38.045.960 |
| Tăng | 921.083.963.023 | 653.777 |
| Phân bổ vào chi phí trong năm | (1.770.200.637) | (24.268.646) |
| Tại ngày 31 tháng 12 | 919.328.193.477 | 14.431.091 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí:

- Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng: Theo hợp đồng vay tín dụng xuất khẩu ký ngày 22 tháng 7 năm 2010 và 23 tháng 7 năm 2010 giữa Công ty và các ngân hàng tài trợ do Citibank làm đại lý. Phí bảo hiểm khoản vay được phát hành bởi HERMES và NEXI bảo hiểm cho các bên cho vay trong toàn bộ thời hạn vay theo hợp đồng là 2,5 năm ân hạn và 9,5 năm trả nợ.

- Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị: Theo hợp đồng bảo trì công trình dài hạn số VIT1000 NT2 2009-11-03 giữa Công ty và Siemens AG; Siemens Ltd. Vietnam cho công tác bảo trì máy móc thiết bị chính cho Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 100.000 EOH. Phí huy động, phí cố định và phí biến đổi được thanh toán trước khi Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại.

- Lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc: Các chi phí đi vay liên quan đến công tác thanh toán hợp đồng bảo trì công trình dài hạn số VIT1000 NT2 2009-11-03 giữa Công ty và Siemens AG; Siemens Ltd. Vietnam. Chi phí đi vay phát sinh trước khi Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và không thuộc chi phí đầu tư dự án.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2010 | 31/12/2009 |
|------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Vay ngắn hạn | 1.046.600.000.000 | 2.237.109.792.435 |
| Nợ dài hạn đến hạn trả | 20.763.731.610 | - |
| Tổng | <u>1.067.363.731.610</u> | <u>2.237.109.792.435</u> |

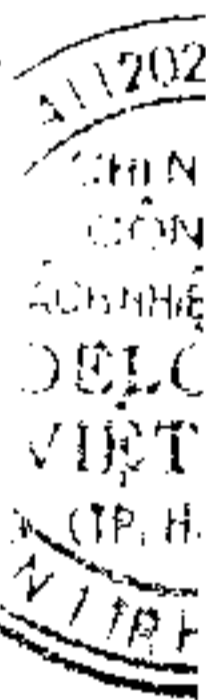
Vay và nợ ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính dưới hình thức vay ngắn hạn hoặc phát hành tín dụng thư. Số dư các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm 100.000.000.000 đồng (Tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương – CN Sài Gòn) và 50.000.000 đô la Mỹ (Tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam – CN Hồ Chí Minh). Đối với khoản vay 50.000.000 Đô la Mỹ lãi suất cho vay được xác định bằng 4,7%/năm trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, bên cho vay sẽ điều chỉnh lại lãi suất tại thời điểm đầu tháng thứ 7 kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Đối với khoản vay 100.000.000.000 đồng lãi suất vay sẽ được điều chỉnh 3 tháng 1 lần, lãi suất vay điều chỉnh được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm đồng Việt Nam 12 tháng trả lãi sau do Bên cho vay công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng(+) biên độ 4,5%/năm.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2010 | 31/12/2009 |
|----------------------------|---------------------------|------------------------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 29.757.420.519 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 151.187.043 | 35.981.314 |
| | <u>151.187.043</u> | <u>29.793.401.833</u> |

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

| | 31/12/2010 |
|------------------------------|---------------------------------|
| | <u>VNĐ</u> |
| Vay dài hạn | 7.073.806.086.716 |
| Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả | (20.763.731.610) |
| | <u>7.053.042.355.106</u> |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tại ngày 15 tháng 3 năm 2010, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank), Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức 10.000.000 Euro với thời hạn vay là 4 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Nợ gốc của khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ hàng quý trong vòng 10 kỳ thanh toán. Lần trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/12/2011. Khoản vay này dưới hình thức tín chấp và chịu lãi suất 5,33%/năm và sẽ được điều chỉnh 6 tháng 1 lần bằng lãi suất tiền gửi huy động 12 tháng của Techcombank HCM tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,5%/năm. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã rút 8.002.982,29 Euro tương đương 207.637.375.514 đồng.

Vào ngày 22 tháng 7 năm 2010 và ngày 23 tháng 7 năm 2010 Công ty đã ký các hợp đồng vay với các ngân hàng tài trợ là HERMES, CIRR, NEXI và Citibank với Citibank là ngân hàng đầu mối với tổng hạn mức vay là 215.380.981 Đô la Mỹ và 202.585.883 Euro. Các khoản vay này được chính phủ Việt Nam bảo lãnh và được cấp bảo hiểm bởi HERMES và NEXI. Các khoản vay này có thời gian ân hạn đến ngày 1 tháng 12 năm 2011. Lãi suất được tính theo Euribor 6 tháng và Libor 6 tháng cộng cho các khoản lãi suất điều chỉnh. Nợ gốc và lãi vay được trả 6 tháng một lần trong đó thời gian trả nợ gốc là 9,5 năm được chia thành 19 kỳ trả nợ đều nhau với thời điểm trả nợ gốc đầu tiên là ngày 1 tháng 6 năm 2012.

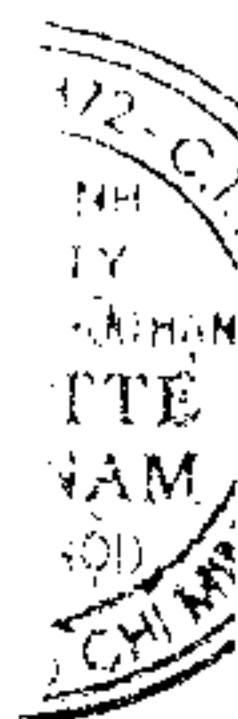
Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

| | 31/12/2010 |
|---|---------------------------------|
| | <u>VNĐ</u> |
| Trong vòng một năm | 20.763.731.610 |
| Trong năm thứ hai | 805.809.527.619 |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm | 2.272.082.521.002 |
| Sau năm năm | 3.975.150.306.485 |
| | <u>7.073.806.086.716</u> |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn) | (20.763.731.610) |
| Số phải trả sau 12 tháng | <u>7.053.042.355.106</u> |

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

| | 31/12/2010 | | 31/12/2009 | |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| | <u>Số cổ phần</u> | <u>VNĐ</u> | <u>Số cổ phần</u> | <u>VNĐ</u> |
| Cổ phần được phép phát hành | 256.000.000 | 2.560.000.000.000 | 256.000.000 | 2.560.000.000.000 |
| Cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ | 256.000.000 | 2.560.000.000.000 | 256.000.000 | 2.560.000.000.000 |

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

| | Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh | | Vốn đã góp tại ngày 31/12/2009 và 31/12/2010 |
|---|--|-------------------|--|
| | <u>VNĐ</u> | <u>%</u> | <u>VNĐ</u> |
| Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam | 1.326.061.500.000 | 51,8 | 1.326.061.500.000 |
| Tổng công ty Tài chính Cổ Phần Dầu khí Việt Nam | 281.600.000.000 | 11 | 281.600.000.000 |
| Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ | 256.000.000.000 | 10 | 256.000.000.000 |
| Tập đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam | 128.000.000.000 | 5 | 128.000.000.000 |
| Tập đoàn Than Khoáng Sản Việt Nam | 128.000.000.000 | 5 | 128.000.000.000 |
| Công ty Electric Power Development (J-Power - Nhật Bản) | 128.000.000.000 | 5 | 128.000.000.000 |
| Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam | 64.000.000.000 | 2,5 | 64.000.000.000 |
| Tập đoàn Điện Lực Việt Nam | 64.000.000.000 | 2,5 | 64.000.000.000 |
| Các cổ đông khác | 184.338.500.000 | 7,2 | 184.338.500.000 |
| | <u>2.560.000.000.000</u> | <u>100</u> | <u>2.560.000.000.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

| | Vốn điều lệ VND | Vốn khác của chủ sở hữu VND | Chênh lệch tỷ giá VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Tổng VND |
|----------------------------------|----------------------------|--|----------------------------------|--|---|--------------------------|
| Số dư tại ngày 1/1/2009 | 1.544.765.500.000 | - | 57.148.410 | - | 54.031.310.806 | 1.598.853.959.216 |
| Vốn đã góp | 1.015.234.500.000 | - | - | - | - | 1.015.234.500.000 |
| Chênh lệch tỷ giá | - | - | 123.877.767.620 | - | - | 123.877.767.620 |
| Phân bổ từ lợi nhuận | - | - | - | 11.140.000.000 | (11.140.000.000) | - |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 135.809.565.054 | 135.809.565.054 |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | (3.201.560.540) | (3.201.560.540) |
| Số dư tại ngày 31/12/2009 | 2.560.000.000.000 | - | 123.934.916.030 | 11.140.000.000 | 175.499.315.320 | 2.870.574.231.350 |
| Chênh lệch tỷ giá | - | - | (117.393.150.517) | - | - | (117.393.150.517) |
| Phân bổ từ lợi nhuận | - | 163.455.502.290 | - | 6.790.478.253 | (178.954.315.320) | (8.708.334.777) |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 31.641.887.559 | 31.641.887.559 |
| Số dư tại ngày 31/12/2010 | 2.560.000.000.000 | 163.455.502.290 | 6.541.765.513 | 17.930.478.253 | 28.186.887.559 | 2.776.114.633.615 |

Trong năm, Công ty đã trích lập quỹ đầu tư phát triển là 6.790.478.253 đồng (Năm 2009: 11.140.000.000 đồng), quỹ khen thưởng phúc lợi là 8.708.334.777 đồng (Năm 2009: 3.201.560.540 đồng) và bổ sung nguồn vốn kinh doanh từ lợi nhuận chưa phân phối của các năm trước là 163.455.502.290 đồng (Năm 2009: 0 đồng) theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông số 10/CPNT2-NQ-DHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2010 và Quyết định số 72/QĐ-CPNT2 ngày 4 tháng 11 năm 2010 của Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | 2010 <u>VNĐ</u> | 2009 <u>VNĐ</u> |
|---|-----------------------|------------------------|
| Lợi nhuận trước thuế | 42.197.948.176 | 164.927.830.809 |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ | 198.513.033 | 1.462.259.222 |
| Trừ: Các khoản điều chỉnh của năm trước | (574.062.469) | - |
| Thu nhập chịu thuế | 41.822.398.740 | 166.390.090.031 |
| Thuế suất | 25% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 10.455.599.685 | 41.597.522.507 |
| Giảm trừ thuế | - | (12.479.256.752) |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước | 100.460.932 | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 10.556.060.617 | 29.118.265.755 |

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và 25% cho những năm tiếp theo.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập từ các hoạt động khác theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

18. CÁC KHOẢN CAM KẾT VỐN

| | 31/12/2010 <u>VNĐ</u> | 31/12/2009 <u>VNĐ</u> |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Các khoản cam kết vốn đã được phê duyệt | 3.883.350.000.000 | 5.815.761.066.671 |

Các khoản cam kết vốn này đã được phê duyệt nhưng chưa thực hiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 liên quan đến công việc thiết kế, xây dựng và chế tạo cho Công trình dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

Ngày 27 tháng 11 năm 2007 Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam đã có công văn số 6320/CV-EVN-KH về việc chấp thuận mua điện của Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 do Công ty làm chủ đầu tư.

19. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

| | 2010 <u>VNĐ</u> | 2009 <u>VNĐ</u> |
|---|--------------------|--------------------|
| Tạm ứng | | |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí | 184.634.784 | - |
| Trường Cao đẳng nghề Dầu khí | 2.487.977.493 | - |
| Ban điều hành - Dự án Nhà máy Khí Điện Nhơn Trạch 2 ("PVC") | - | 190.759.148.139 |
| Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí | - | 15.204.174.000 |

| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
|---|--------------------------|-------------------------|
| Phải thu | | |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Ban điều hành - Dự án Nhà máy Khí Điện Nhơn Trạch 2 ("PVC") | 1.081.325.634 | 4.620.237.600 |
| | <u>40.120.000.000</u> | <u>160.920.871.106</u> |
| Phải thu khác | | |
| Lãi dự thu từ Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam | 274.908.354 | 4.449.362.652- |
| | <u>274.908.354</u> | <u>4.449.362.652-</u> |
| Phải trả | | |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Ban điều hành - Dự án Nhà máy Khí Điện Nhơn Trạch 2 ("PVC") | 2.025.759.500 | 2.161.256.811 |
| Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí | 67.090.435.668 | 57.051.024.072 |
| | <u>2.288.400.000</u> | <u>2.288.400.000</u> |
| Đầu tư tài chính | | |
| Ủy thác quản lý vốn tại Tổng Công ty cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam | 1.069.658.000.000 | 304.115.181.040- |
| | <u>1.069.658.000.000</u> | <u>304.115.181.040-</u> |

